

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XI

Phẩm 19: THÁNH HẠNH 1

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát đối với kinh Đại Bát Niết Bàn này phải chuyên tâm suy nghĩ về năm thứ hạnh. Những gì là năm? Một là Thánh hạnh, hai là Phạm hạnh, ba là Thiên hạnh, bốn là Anh nhi hạnh, năm là Bệnh hạnh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát thường phải tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh nữa là hạnh Như Lai, đó là kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa. Này Ca-diếp! Sao gọi là việc tu Thánh hạnh của Đại Bồ-tát? Đại Bồ-tát hoặc từ Thanh văn, hoặc từ Như Lai, được nghe kinh Đại Niết-bàn như vậy, nghe rồi sinh tin, tin rồi nên suy nghĩ như vậy: “Chư Phật Thế Tôn có đạo vô thượng, có đại chánh pháp, có đại chúng chánh hạnh, lại có kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ta nay vì yêu thích mong cầu kinh Đại Thừa nên lìa bỏ sự thương yêu vợ con, quyến thuộc, chỗ ở, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, nô bộc, người giúp việc, trai gái lớn nhỏ, voi, ngựa, xe cộ, trâu, dê, gà, chó, heo v.v...”. Đại Bồ-tát lại nghĩ: “Gia cư bức bách giống như lao ngục. Tất cả phiền não do đó mà sinh ra. Xuất gia ở nơi nhàn tịnh thanh vắng giống như hư không. Tất cả pháp thiện nhân đó mà tăng trưởng. Nếu ở nhà thì chẳng được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Ta nay cần phải cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo”. Lại nghĩ: “Ta nay nhất định phải xuất gia tu học đạo Bồ-đề chân chính vô thượng”. Khi Bồ-tát muốn xuất gia như vậy thì thiên ma Ba-tuần phát sinh khổ não lớn, nói: “Bồ-tát này lại cùng ta dấy cuộc chiến tranh lớn rồi”. Này thiện nam! Bồ-tát như vậy cùng

người chiến tranh như thế nào? Lúc đó Bồ-tát liền đi đến tu viện thấy Như Lai và đệ tử của Phật oai nghi đầy đủ, các căn tịch tĩnh, tâm ý nhu hòa, thanh tịnh, tịch diệt, liền đến chỗ ấy cầu xin xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Đã xuất gia rồi thì phụng trì giới cấm, oai nghi chẳng khuyết, đi đứng an tường, không có sai phạm, thậm chí tội dù nhỏ lòng cũng sinh kinh sợ, tâm hộ giới chắc như kim cương. Nay thiện nam! Ví như có người mang phao muốn qua biển cả. Bấy giờ, trong biển có một quỷ La-sát liền theo người này đòi xin cái phao. Người ấy nghe rồi liền nghĩ: “Nếu nay ta cho thì nhất định chìm chết” nên đáp: “Này La-sát! Người thà giết ta, chớ phao nổi chẳng thể cho được”. La-sát lại nói: “Nếu người chẳng thể cho hết thì có thể cho nửa cái”. Người đó do dự chẳng chịu cho. La-sát lại nói: “Nếu người chẳng thể cho ta một nửa thì cho ta một phần ba”. Người đó chẳng chịu, quỷ La-sát lại nói: “Nếu chẳng thể thì cho ta chỗ bằng cánh tay”. Người đó cũng chẳng chịu, La-sát lại nói: “Nếu người lại chẳng thể cho ta chỗ như cánh tay thì nay vì ta quá đói, mọi khổ bức bách, xin người hãy cứu giúp ta một chỗ nhỏ như vi trần”. Người đó lại nói: “Sự đòi hỏi của người nay quả thật chẳng nhiều, nhưng hôm nay ta phải đi qua biển mà chẳng biết đường trước gần xa như thế nào. Nếu ta cho người thì hơi của phao sẽ thoát ra dần, nạn biển cả lấy gì mà thoát qua được, có thể giữa đường chìm xuống nước mà chết”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm cũng như vậy, như người qua biển kia tiếc giữ cái phao. Khi Bồ-tát giữ gìn giới như vậy thường có các La-sát phiền não nói với Bồ-tát: “Ông phải tin ta, nhất định chẳng lừa dối nhau. Ông chỉ phá bốn trọng cấm, hộ trì những giới còn lại. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn vào Niết-bàn”. Bấy giờ, Bồ-tát nói: “Ta nay thà trì giới cấm như vậy mà vào ngục A-tỳ, nhất định chẳng chịu hủy phạm để mà sinh lên trời”. La-sát phiền não lại nói: “Nếu ông chẳng thể phá bốn trọng cấm thì có thể phá Tăng tàn. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng theo lời nói ấy. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Tăng tàn thì cũng có thể phạm tội Thân-lan-giá. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói:

“Nếu ông chẳng thể phạm Thâu-lan-giá thì có thể phạm Xả-đọa. Do nhân duyên này ông có thể yên ổn được vào Niết-bàn”. Bấy giờ Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Xả-đọa thì có thể phá Ba-dạ-đề. Do nhân duyên này khiến ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Ba-dạ-đề thì có thể hủy phá giới Đột-cát-la. Do nhân duyên này ông có thể được yên ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát lòng tự nghĩ: “Ta nay nếu phạm tội Đột-cát-la mà chẳng phát lồ sám hối thì chẳng thể qua bờ kia của sinh tử để được Niết-bàn”. Đại Bồ-tát đối với những giới luật vi tế hộ trì kiên cố, lòng như kim cương. Đại Bồ-tát hộ trì bốn trọng cấm và Đột-cát-la đều kính trọng, kiên cố, bình đẳng không sai khác. Bồ-tát nếu tu hạnh kiên trì như vậy thì tức là hành trì đầy đủ năm chi giới. Đó là đầy đủ: Bồ-tát căn bản nghiệp thanh tịnh giới, tiền hậu quyển thuộc dư thanh tịnh giới, phi chư ác giác giác thanh tịnh giới, hộ trì chánh niệm niệm thanh tịnh giới, hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề giới.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát này lại có hai thứ giới: Một là thọ thế giáo giới, hai là đắc chánh pháp giới. Bồ-tát nếu được chánh pháp giới thì nhất định chẳng làm ác. Thọ thế giáo giới là bạch bốn yết-ma, rồi sau đó mới đắc. Lại nữa, này thiện nam! Có hai thứ giới: Một là giới tánh trọng, hai là giới chấm dứt cơ hiểm ở đời. Giới tánh trọng là bốn trọng cấm. Giới dứt cơ hiểm ở đời là chẳng làm những việc buôn bán, cân non, đấu nhỏ, lừa dối người, chẳng nhờ thế lực người khác mà lấy tài vật của người, chẳng có lòng hại, chẳng phá hoại sự thành công của người, chẳng thấp đèn sáng mà nằm, chẳng gieo trồng ruộng đất, chẳng sắm sửa gia nghiệp, chẳng nuôi voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ đột, công, anh vũ, chim cộ mạng và chim câu-chỉ-la, sài lang, cọp báo, mèo, chồn, heo v.v... và những ác thú khác, đồng nam, đồng nữ, trai lớn, gái lớn, nô tỳ, đồng bộc v.v..., chẳng tích trữ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha cụ v.v... các thứ báu, chẳng chứa đồng đồ, thiếc, chì, du thạch, chén bát, đồ đựng, phẩm lông, chiếu lông, áo cấm lông vũ, tất cả lúa gạo, đậu mì lớn nhỏ, gạo tẻ, gạo nếp, mè, thức ăn sống hay chín. Đại Bồ-tát thường thọ thực một

bữa, chưa từng ăn lần thứ hai. Nếu đi khát thực và ăn trong Tăng chúng, Bồ-tát thường biết đủ, chẳng nhận lời mời riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, năm vật cay nồng đều chẳng ăn. Vậy nên thân không có mùi xú uế. Bồ-tát thường được sự cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi của chư Thiên và tất cả người đời. Đi xin mà ăn, nhất định chẳng nhận thức ăn lâu dài. Việc nhận quần áo chỉ đủ che thân. Đi đâu cũng đủ y bát, tọa cụ nhất định chẳng lìa bỏ như hai cánh chim. Chẳng chứa cả thân, đốt lóng, hạt giống, các loại hạt, chẳng tàng chứa hoặc vàng, hoặc bạc, thức ăn, thức uống, nhà bếp, kho lẫm, quần áo, phục sức, đối với giường lớn cao rộng, giường ngà voi, giường vàng đan xen đủ màu đều chẳng ngồi, nằm. Chẳng chứa tất cả những loại chiếu nằm mềm mại. Chẳng ngồi lên cỏ voi, cỏ ngựa. Chẳng dùng y phục thượng diệu mềm mại để trải giường nằm. Giường nghỉ ngơi chẳng để hai gối. Cũng chẳng nhận chứa gối đồ đẹp đẽ, đặt để gối gỗ vàng. Nhất định chẳng nhìn xem đấu voi, đấu ngựa, đấu xe, đấu binh, hoặc nam, hoặc nữ, trâu, dê, gà, trĩ, anh vũ v.v... đánh nhau. Cũng chẳng cố đến nhìn xem quân trận. Cũng chẳng cố nghe thổi vỏ sò, tù và, đánh trống, đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tranh, sáo, tiếng ca xướng kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trò chơi sư-bồ, cờ vây, ba-la-tắc, đấu sư tử, voi, cờ đàn, lục bác, đá cầu, ném đá, quăng túi, dất đường, đi thành tám đường. Tất cả sự vui chơi đều chẳng nên làm, chẳng nên xem. Nhất định chẳng xem tướng tay, chân, mặt, mắt. Chẳng dùng chân súc vật, gương, cỏ chi, cành dương, bát chén, đầu lâu mà bói quẻ. Cũng chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn khởi buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng qua lại của vương gia, đem đây nói cho đó, đem đó nói cho đây. Nhất định chẳng đua nịnh, tà mạng nuôi sống mình. Cũng chẳng tuyên nói việc vua tôi, đạo tặc, đấu tranh, ăn uống, dất nước, đối kếm, kinh sợ hay giàu thịnh an vui. Đây thiện nam! Đó gọi là giới chấm dứt sự chê bai hiềm khích ở đời của Đại Bồ-tát. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát kiên trì giới ngăn cấm cùng giới tánh trọng bình đẳng không sai biệt.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi thì phát nguyện: “Thà đem thân này gieo vào hầm sâu lửa cháy

hừng hực, nhất định chẳng hủy phạm giới cấm mà chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đã chế để cùng con gái của Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ v.v... làm việc bất tịnh”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng sắt nóng quấn quanh thân thể, nhất định chẳng dám đem thân phá giới mà nhận lấy quần áo của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng miệng này nuốt hòn sắt nóng, nhất định chẳng dám dùng miệng hủy giới mà dùng thức ăn, thức uống của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà thân này nằm trên sắt nóng, nhất định chẳng dám dùng thân phá giới thọ đồ trái giường nằm của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà đem thân này chịu ba trăm giáo nhọn đâm, nhất định chẳng dám đem thân hủy giới mà nhận thuốc chữa bệnh của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà đem thân này gieo vào vạc sắt nóng, nhất định chẳng dám đem thân phá giới nhận phòng xá nhà cửa của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng chùy sắt đánh nát thân này từ đầu đến chân nát như vi trần, chẳng đem thân phá giới nhận sự cung kính lễ bái của những Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng que sắt nóng móc đôi mắt của mình, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp người khác”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dùi sắt đâm thủng tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe âm thanh hay”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dao bén cắt bỏ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm ngửi các mùi thơm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dao bén cắt nát lưỡi, chẳng dùng nhiễm tâm tham đắm vị ngon”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng búa bén chém đứt thân mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham đắm những xúc chạm”. Vì sao? Vì do nhân duyên này có thể khiến cho hành giả đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm. Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm như vậy rồi thì đều đem bố thí cho tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nguyện khiến cho các chúng sinh hộ trì giới cấm được giới thanh

tịnh, giới thiện, giới chẳng khuyết, giới chẳng gãy, giới Đại thừa, giới chẳng thoái, giới tùy thuận, giới rốt ráo và thành tựu đầy đủ giới Ba-la-mật. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu trì giới thanh tịnh như vậy thì liền trụ ở địa đầu tiên là Bất động. Sao gọi là địa Bất động? Bồ-tát trụ trong địa Bất động này thì chẳng động, chẳng đọa, chẳng thoái, chẳng tan. Nay thiện nam! Ví như núi Tu-di, gió mạnh thổi chẳng thể làm cho lay động, sụp đổ, hoại tan. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, chẳng bị sự lay động của sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng thoái lui địa Thanh văn, Phật-bích-chi, chẳng bị tan theo gió tà kiến khác mà tạo tác tà mạng. Lại nữa, nay thiện nam! Chẳng động là, chẳng bị tham dục, sân hận, ngu si làm lay động. Lại, chẳng đọa là, chẳng rơi vào bốn trọng cấm. Lại, chẳng thoái là, chẳng thoái lui, hoàn tục. Lại, chẳng tan là, chẳng bị tan hoại theo người trái nghịch kinh điển Đại Thừa. Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát cũng vậy, chẳng bị sự khuynh động của các ma phiền não, chẳng bị sự đày đọa của ám ma cho đến ngồi ở dưới cây Bồ-đề đạo tràng, tuy có thiên ma nhưng chẳng thể làm cho Bồ-tát ấy thoái lui Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lại chẳng bị ma chết làm tan hoại. Nay thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập Thánh hạnh. Nay thiện nam! Sao gọi là Thánh hạnh? Thánh hạnh là việc làm của Phật và Bồ-tát. Vậy nên gọi là Thánh hạnh. Do những gì mà gọi Phật, Bồ-tát là Thánh nhân? Những vị đó có pháp Thánh, thường quán pháp tánh rỗng lặng, do nghĩa này nên gọi là Thánh nhân, vì có giới Thánh nên gọi là Thánh nhân, vì có định tuệ Thánh nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy thứ của cải Thánh là tín, giới, tâm, quý, đa văn, trí tuệ, xả ly nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy Thánh giác nên gọi là Thánh nhân. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

Lại nữa, nay thiện nam! Thánh hạnh của Đại Bồ-tát là quan sát thân này từ đầu đến chân, trong ấy chỉ có tóc, lông, móng, răng bất tịnh cấu bẩn, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, bao tử, ruột non, ruột già, đại tiểu tiện, nước mũi, nước dãi, nước mắt, mồ, mô não, tủy xương, mủ, máu, sọ não, các mạch. Khi Bồ-tát chuyên tâm quán như vậy thì có cái gì là ta? Ta thuộc cái gì? Trụ ở

chỗ nào? Cái gì thuộc về ta? Bồ-tát lại nghĩ: “Xương là ta chăng? Lìa khỏi xương là gì vậy?”. Khi Bồ-tát trừ khử da thịt, chỉ quán xương trắng thì lại khởi ý niệm này: “Màu xương khác nhau như là màu xanh, vàng, trắng, màu chim câu. Như vậy tướng xương cũng chẳng phải là ta. Vì sao? Vì ta cũng chẳng phải màu xanh, vàng, trắng và cả màu chim câu”. Khi Bồ-tát chuyên tâm quan sát như thế thì liền đoạn trừ được tất cả sắc dục. Bồ-tát lại nghĩ thế này: “Như vậy xương là từ nhân duyên sinh ra. Nương nhờ xương bàn chân để chống đỡ xương gót chân. Nương nhờ xương gót chân để chống đỡ xương ống chân. Nương nhờ xương ống chân để chống đỡ xương đầu gối. Nương nhờ xương đầu gối để chống đỡ xương đùi vế. Nương nhờ xương đùi vế để chống đỡ xương hông. Nương nhờ xương hông để chống đỡ xương lưng. Nương nhờ xương lưng để chống đỡ xương sống. Nương nhờ xương sống để chống đỡ xương sườn. Nương nhờ phần trên xương sống để chống đỡ xương cổ. Nương nhờ xương cổ để chống đỡ xương hàm. Nương nhờ xương hàm để chống đỡ răng. Trên có đầu lâu. Lại nhân xương cổ để chống đỡ xương vai. Nương nhờ xương vai để chống đỡ xương cánh tay. Nương nhờ xương cánh tay để chống đỡ xương cổ tay. Nương nhờ xương cổ tay để chống đỡ xương bàn tay. Nương nhờ xương bàn tay để chống đỡ xương ngón tay. Khi Đại Bồ-tát quan sát như vậy thì số xương của thân thể tất cả đều chia lìa. Bồ-tát đắc quán này rồi thì liền đoạn trừ ba sự ham muốn, một là ham muốn hình mạo, hai là ham muốn dáng dấp, ba là ham muốn xúc chạm. Khi Đại Bồ-tát quán xương xanh thì thấy đại địa này khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới đều là tướng màu xanh. Như quán màu xanh, quán màu vàng, màu trắng, màu chim câu cũng như vậy. Khi Đại Bồ-tát khởi sự quan sát này thì vùng chân mày liền phát ra ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu chim câu v.v... Ở trong mỗi một những ánh sáng này thấy có tướng Phật. Thấy rồi Bồ-tát liền hỏi: “Như thân này là do nhân duyên bất tịnh hòa hợp mà thành sao lại ngồi, dậy, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngước, nhìn, ngắm, hít thở, buồn khóc, vui cười được? Trong việc này không có chủ thì ai sai khiến?”. Hỏi thế rồi thì các Đức Phật trong ánh sáng bỗng nhiên biến mất. Bồ-tát lại nghĩ thế

này: “Hoặc thức chính là ta nên khiến cho các Đức Phật chẳng vì ta nói”. Bồ-tát lại quan sát thức này theo thứ lớp sinh diệt giống như nước chảy thì cũng lại chẳng phải là ta. Bồ-tát lại nghĩ: “Nếu thức chẳng phải là ta thì thở ra, hít vào có thể là ta”. Bồ-tát lại nghĩ: “Thở ra hít vào này chính là tánh của gió mà tánh của gió đó chính là tứ đại thì trong tứ đại cái gì là ta. Tánh của đất chẳng phải là ta. Tánh của nước, lửa, gió cũng chẳng phải là ta”. Bồ-tát lại nghĩ: “Thân này tất cả đều không có ta. Chỉ có nhân duyên gió tâm hòa hợp, hiện ra đủ thứ hạnh nghiệp, ví như sức chú thuật làm ra điều huyền hóa, cũng như đàn không hầu theo ý phát ra âm thanh. Vậy nên thân này bất tịnh như vậy, nhờ các nhân duyên hòa hợp thành thì chỗ nào mà sinh ra tham dục? Nếu bị mắng chửi hủy nhục thì lại ở chỗ nào mà sinh ra sân hận? Như thân này của ta gồm ba mươi sáu vật bất tịnh dơ bẩn, hôi thối thì có chỗ nào nhận sự mạ nhục. Nếu nghe lời mạ nhục thì Bồ-tát liền suy nghĩ: “Do âm thanh gì mà thấy mạ nhục như vậy? Mỗi một âm thanh riêng lẻ chẳng thể thấy mạ nhục mà nếu một chẳng thấy thì nhiều cũng vậy. Do nghĩa này nên chẳng sinh ra sân hận. Nếu người khác đánh đập thì cũng nên suy nghĩ: “Đánh như vậy là từ đâu mà sinh ra?”. Bồ-tát lại nghĩ: “Nhân có tay, dao gậy và cả thân ta nên được gọi là đánh. Ta nay vì duyên gì mà ngang ngược sân giận với người khác? Chính thân ta tự chuốc lấy lỗi lầm đó là do ta thọ tẩm thân năm ấm này. Ví như nhân vào cái đích thì mới có trúng tên, thân ta cũng vậy, có thân nên có đánh. Ta nếu chẳng nhẫn thì lòng tán loạn. Nếu lòng tán loạn thì mất chánh niệm. Nếu mất chánh niệm thì chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện thì làm việc ác. Do nhân duyên làm việc ác nên rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khi Bồ-tát quan sát như vậy rồi thì được bốn niệm xứ. Được bốn niệm xứ rồi thì được trụ ở địa Kham nhẫn. Đại Bồ-tát trụ ở địa này rồi thì có thể nhẫn chịu tham dục, sân hận, ngu si, cũng có thể chịu đựng được lạnh, nóng, đói khát, ruồi, muỗi, rận, rệp, gió bão, va chạm việc dữ, đủ thứ dịch bệnh, ác khẩu, mắng chửi, đánh đập... Thân tâm khổ não, tất cả đều có thể nhẫn chịu. Do đó gọi là trụ ở địa Kham nhẫn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

www.daitangkinh.org

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chưa trụ được ở địa Bất động, khi trì tịnh giới, như có nhân duyên thì có được phá giới không?

–Này thiện nam! Bồ-tát chưa trụ ở địa Bất động nếu có nhân duyên thì có thể được phá giới.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nhân duyên ấy là gì?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nếu có Bồ-tát biết dùng nhân duyên phá giới mà có thể khiến cho người thọ trì, yêu thích kinh điển Đại Thừa, lại có thể khiến cho người ấy đọc tụng thông lợi, ghi chép kinh quyển, vì người khác mà rộng nói chẳng thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì như vậy Bồ-tát được phá giới. Bấy giờ, Bồ-tát nên khởi ý niệm như vậy: “Ta thà một kiếp hay non một kiếp, rơi vào địa ngục A-tỳ thọ tội báo này, chỉ cần khiến cho người đó chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Này Ca-diếp! Do nhân duyên này nên Đại Bồ-tát được hủy phạm tịnh giới.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như có Bồ-tát thọ giữ hộ trì người như vậy khiến cho chẳng thoái chuyển tâm Bồ-đề nhưng vì sự hủy giới đó mà đọa vào địa ngục A-tỳ thì đó là điều không có.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói! Ta nhớ thuở xưa ở cõi Diêm-phù-đề, Ta làm đại quốc vương tên là Tiên Dự, yêu thích kính trọng kinh điển Đại Thừa, tâm ý thuần thiện, không có thô ác, ganh ghét, keo kiệt, miệng thường tuyên nói lời thương yêu, lời tốt lành, thân thường ủng hộ kẻ bần cùng, cô độc, bố thí, tinh tấn không có ngưng bỏ. Thời đó đời không có Phật, Thanh văn, Duyên giác. Bấy giờ, Ta ưa thích kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, trong mười hai năm phụng sự Bà-la-môn, cung cấp sự cần dùng cho họ. Qua mười hai năm bố thí xong rồi, Ta liền nói: “Thưa các thầy! Hôm nay các thầy nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bà-la-môn nói: “Này đại vương! Tánh Bồ-đề là không sở hữu. Kinh điển Đại Thừa cũng như vậy thì tại sao đại vương lại muốn khiến cho con

người đồng với hư không”. Nay thiện nam! Bấy giờ, lòng Ta trọng Đại thừa mà nghe Bà-la-môn bài báng Phương Đăng nên nghe xong Ta tức thời giết chết người ấy. Nay thiện nam! Do nhân duyên này nên từ đó về sau Ta chẳng rơi vào địa ngục.

Nay thiện nam! Ủng hộ giữ gìn kinh điển Đại thừa mới có thể lực không lường như vậy. Lại nữa, này Ca-diếp! Lại có Thánh hạnh, gọi là bốn Thánh đế: nếu có người chăm sóc tùy ý thuốc thang. Này Ca-diếp! Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có năng lực sinh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại thừa. Lại nữa, này thiện nam! Khổ là tướng hiện. Tập là tướng chuyển. Diệt là tướng trừ. Đạo là tướng có khả năng trừ. Lại nữa, này thiện nam! Khổ thì có ba tướng là tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu giới, định, tuệ. Lại nữa, này thiện nam! Pháp hữu lậu có hai thứ là có nhân, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ là có nhân, có quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ. Nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt. Nhân vô lậu thì gọi là Đạo. Lại nữa, này thiện nam! Tám tướng gọi là khổ là: Khổ về sinh, khổ về già, khổ về bệnh, khổ về chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về năm ấm xí thạnh. Có khả năng sinh ra tám loại khổ như vậy thì gọi là Tập. Không có tám điều khổ như vậy thì đó gọi là Diệt. Mười lực, bốn vô sở úy, ba niêm xứ, đại bi v.v... đó gọi là Đạo. Nay thiện nam! Sinh là tướng hiện ra, có năm thứ, một là mới sinh ra, hai là đến cuối cùng, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sinh. Già là gì? Già có hai thứ, một là già từng niệm niệm, hai là già chung thân. Lại có hai thứ già nữa, một là già tăng trưởng, hai là già diệt hoại. Đó gọi là già. Sao gọi là bệnh? Bệnh là răn độc bốn đại chẳng điều hòa nhau, cũng có hai thứ, một là bệnh thân, hai là bệnh tâm. Bệnh thân có năm, một là do nước, hai là do gió, ba là do nóng, bốn là tạp bệnh, năm là bệnh do bên ngoài. Bệnh do nguyên nhân khách quan có bốn, một là chẳng phải phận sự mà cưỡng làm, hai là lầm lẫn rơi rụng, ba là dao gậy gạch đá, bốn là quỷ mỵ dựa nhập. Bệnh tâm cũng có bốn thứ, một là quả vui, hai là sợ hãi, ba là ưu sầu, bốn là ngu si. Lại nữa, này thiện nam! Bệnh của thân tâm

thường có ba thứ. Những gì là ba? Một là nghiệp báo, hai là đối mặt với điều xấu, ba là thời tiết thay đổi. Do đó sinh ra những nhân duyên tên gọi thọ phân biệt như vậy. Nhân duyên của bệnh là gió v.v... các bệnh. Tên gọi là lòng buồn bực, phổi trưởng, khí lên, ho, tim đập, đi lị v.v... Thọ phân biệt là đau đầu, đau mắt, đau tay chân v.v... Đó gọi là bệnh. Sao gọi là chết? Chết là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân đã thọ cũng có hai thứ: một là chết do mạng hết, hai là chết do ngoại duyên. Chết do mạng hết có ba thứ: một là mạng hết chẳng phải là phước hết, hai là phước hết chẳng phải là mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Chết do ngoại duyên cũng có ba thứ: một là chẳng phải số phận mà tự hại chết, hai là bị người khác hại mà chết, ba là do cả hai mà chết. Lại có ba thứ chết: một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hoại chết. Sao gọi là phóng dật chết? Nếu có bài báng Đại Thừa Phương Đẳng Bát Nhã Ba-la-mật thì gọi là phóng dật chết. Sao gọi là phá giới chết? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai, đó gọi là phá giới chết. Sao gọi là mạng căn hoại chết? Bỏ thân năm ấm thì đó gọi là mạng căn hoại chết. Như vậy gọi rằng chết là đại khổ. Sao gọi là khổ ái biệt ly? Vật yêu thích bị hư hoại lìa tan. Vật yêu thích bị hư hoại lìa tan cũng có hai thứ: một là năm ấm trong người hoại, hai là năm ấm trong trời hoại. Sự yêu thích năm ấm của người và trời như vậy phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ về ái biệt ly. Sao gọi là khổ về oán tắng hội? Việc chẳng yêu thích mà cứ đồn đến. Việc chẳng yêu thích mà cứ đồn đến cũng có ba thứ. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba đường ác như vậy phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ về oán tắng hội. Sao gọi là khổ về cầu bất đắc? Khổ về cầu bất đắc cũng có hai thứ: một là điều mình hy vọng mà cầu chẳng thể được, hai là dùng nhiều công lực mà chẳng được kết quả. Đó gọi là khổ về cầu bất đắc. Sao gọi là khổ về ngũ ấm thịnh? Khổ về ngũ ấm thịnh là khổ về sinh, khổ về bệnh, khổ về chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc. Vậy nên gọi là khổ về ngũ ấm thịnh. Nay Ca-diếp! Căn bản của sinh gồm có bảy thứ khổ như vậy: Từ khổ về lão cho đến khổ về ngũ ấm thịnh. Nay Ca-diếp! Bàn về lão suy thì chẳng phải tất cả đều có,

Phật và chư Thiên nhất định là không, còn trong loài người thì bất định, hoặc có, hoặc không. Nay Ca-diếp! Thọ thân trong ba cõi không loài nào mà chẳng có sinh, còn già thì chẳng nhất định. Vậy nên tất cả sinh là căn bản. Nay Ca-diếp! Chúng sinh trong thế gian bị điên đảo che tâm mà tham đắm tướng về sinh, nhằm chán lão tử. Bồ-tát cũng vậy, quan sát lúc mới sinh đã thấy có khổ nạn. Nay Ca-diếp! Như có người con gái vào ở nhà người khác. Người con gái này đoan chánh, nhan mạo đẹp đẽ, trang nghiêm thân bằng chuỗi ngọc đẹp. Người chủ nhà thấy rồi liền hỏi: “Nàng tên gì? Thuộc về ai?”. Người con gái đáp: “Thân ta tức là Công Đức Thiên”. Người chủ nhà hỏi: “Nàng làm gì ở chỗ của nàng đến?”. Người con gái đáp: “Chỗ ta đến, ta có thể ban cho đủ thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, người giúp việc”. Người chủ nghe rồi, lòng sinh vui mừng vô cùng phấn khởi nói: “Ta nay có phước đức nên khiến cho nàng đến nhà ta”. Người chủ liền đốt hương, tung hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Lại ở ngoài cửa, người ấy lại thấy một người con gái hình dung xấu xí, quần áo rách rưới rất dơ bẩn, da dẻ nứt nẻ, mặt mày trắng bệch. Thấy rồi, người chủ hỏi: “Nàng tên gì? Thuộc về ai?”. Người con gái đáp: “Tôi tên là Hắc Ám”. Người chủ lại hỏi: “Vì sao tên là Hắc Ám?”. Người con gái đáp: “Chỗ ta đến có thể khiến cho cửa báu của nhà ấy, tất cả bị suy hao”. Người chủ nghe rồi liền cầm dao bén mà nói: “Nếu nàng chẳng đi ta sẽ giết nàng”. Người con gái nói: “Ông rất ngu si, không có trí tuệ”. Người chủ hỏi: “Vì sao gọi ta ngu si, không trí tuệ?”. Người con gái đáp: “Người trong nhà của ông tức là chị của ta. Ta và chị ta luôn luôn cùng với nhau. Nếu ông đuổi ta thì cũng sẽ đuổi chị đó”. Người chủ nhà vào hỏi Công Đức Thiên: “Bên ngoài có một người con gái nói là em của nàng. Có thật thế không?”. Công Đức Thiên nói: “Quả thật là em của ta. Ta cùng người em này cùng đi với nhau chưa từng rời nhau ở bất cứ đâu. Ta thường tạo tác cái tốt, cô ta thường tạo tác cái xấu. Ta làm lợi ích, cô ta làm hư hao. Nếu ông yêu ta thì cũng nên yêu cô ấy. Nếu ông cung kính ta thì cũng nên cung kính cô ấy”. Người chủ liền nói: “Nếu có sự tốt xấu như vậy thì ta đều chẳng dùng. Các nàng tùy ý mà đi”. Lúc đó hai

người con gái liền cùng đem nhau trở về chỗ ở của họ. Bấy giờ, người chủ thấy họ đã đi trở về lòng sinh vui mừng, phấn khởi không lường. Lúc ấy, hai người con gái lại cùng nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo thấy rồi, lòng phát sinh vui mừng, liền mời họ: “Hai nàng đã đến, từ nay nguyện xin hai nàng hãy thường trụ ở nhà tôi”. Công Đức Thiên nói: “Trước đây, chúng tôi đã bị người khác xua đuổi, vì nhân duyên gì ông lại mời chúng tôi ở lại?”. Người nghèo đáp: “Nàng nay nghĩ đến tôi. Tôi nhờ nàng nên lại phải cung kính nàng kia. Vậy nên tôi đều thỉnh hai vị trụ ở nhà tôi”. Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh lên trời vì có sinh thì sẽ có lão, bệnh, chết. Do đó đều bỏ hết, từng không có thọ tâm. Người phàm phu ngu si chẳng biết những hoạn nạn của già, bệnh, chết v.v... nên tham thọ hai pháp sinh tử. Lại nữa, này Ca-diếp! Như đứa trẻ con ấu trĩ Bà-la-môn bị sự bức bách của đói khát, thấy trong phân người có trái cây am-la liền bốc lấy. Có người trí nhìn thấy liền quở trách: “Người là Bà-la-môn, chớ nên tánh thanh tịnh vì sao bốc lấy trái cây bẩn trong phân này?”. Đứa trẻ nghe rồi đỏ mặt thẹn thùng, liền đáp: “Tôi thật chẳng ăn, muốn rửa sạch rồi lại bỏ nó đi”. Người trí nói: “Người rất ngu si. Nếu lại bỏ đi thì trước chớ nên lấy”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với phần sinh này chẳng nhận, chẳng bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Người phàm phu thích sinh, ghét chết như đứa trẻ kia lấy quả rồi lại bỏ. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người ở ngã tư đường lớn với dụng cụ đựng đầy thức ăn, đủ sắc hương mỹ vị để bán. Có người từ xa đến, đói lả gầy yếu, thấy thức ăn đó đủ sắc hương mỹ vị liền chỉ mà hỏi: “Đây là vật gì?”. Người chủ thức ăn đáp: “Đây là thức ăn thượng hạng đủ sắc hương mỹ vị. Nếu ăn món ăn này thì được sắc, được lực, có thể trừ đói khát, được thấy chư Thiên, chỉ có bị một hoạn nạn là mạng chung”. Người đó nghe rồi liền nghĩ: “Ta nay chẳng cần sắc lực hay thấy trời, cũng chẳng cần chết”. Hắn liền nói: “Ăn món này rồi nếu mạng chung thì vì sao ông hôm nay bán nó ở đây?”. Người chủ thức ăn đáp: “Người có trí nhất định chẳng chịu mua, chỉ có người ngu si chẳng biết việc này, trả giá đắt cho tôi, tham lam mà ăn đó thôi”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh lên

trời, được sắc, được lực và thấy chư Thiên. Vì sao? Vì những điều ấy chẳng khỏi được các khổ não. Kẻ phàm phu ngu si theo chỗ có sinh, đều tham ái vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết. Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây độc, rễ có thể giết người, cành, gốc, thân, đốt, vỏ, lá, hoa, trái cũng đều có thể giết người. Này thiện nam! Năm ấm đã thọ ở chỗ thọ sinh trong hai mươi lăm cõi cũng như vậy, tất cả có thể giết hại. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như phân bần dù ít hay nhiều đều thối. Này thiện nam! Sự sống cũng thế, giả sử sống lâu tám vạn tuổi hay chỉ mười tuổi thì đều thọ khổ. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trên bờ hiểm có cỏ che phủ. Ở bên bờ đó có nhiều cam lồ mà nếu có người ăn thì sống lâu một ngàn tuổi, vĩnh viễn tiêu trừ các bệnh, yên ổn hoan lạc. Người phàm phu ngu si tham ăn vị ấy nên chẳng biết bên dưới bờ ấy có hầm rất sâu, liền bước tới muốn lấy chẳng hay sa chân rơi vào hầm mà chết. Kẻ trí biết rồi liền bỏ đi xa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng muốn thọ món ăn thượng diệu của trời, huống là món ăn của loài người. Người phàm phu mới ở địa ngục nuốt hòn sắt nóng, thì đối với món ăn ngon lành thượng diệu của người trời sao có thể chẳng ăn. Này Ca-diếp! Dùng những thí dụ như vậy và vô lượng vô biên thí dụ khác để ông phải biết sinh quả thật là đại khổ. Này Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát trụ ở Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa mà quan sát khổ về sinh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này mà quan sát khổ về già? Già thì có thể bị ho, khí lên ngược, hủy hoại sức lực, nhớ nghĩ những hoan lạc, kiêu mạn cao ngạo, yên ổn, tự do của thời trai tráng, già có thể làm lưng còng, lưỡi biếng, bị sự khinh thường của người khác. Này Ca-diếp! Ví như trong ao nước đầy hoa sen nở tươi đẹp rất đáng yêu thì gặp phải trời mưa đá đều bị tan nát. Này thiện nam! Già cũng như vậy, đều có thể phá hoại sắc đẹp của thời trai tráng. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như vị quốc vương có một bề tôi trí tuệ, giỏi biết binh pháp. Có vua nước địch chống cự lại chẳng thuận theo. Nhà vua sai vị bề tôi giỏi này đi thảo phạt vị vua đó và ông liền bắt được vị vua ấy dẫn đến cho vua mình. Già cũng như vậy, bắt hình sắc tráng kiện đem giao cho vua chết. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cái trục xe gãy không dùng lại

được. Già cũng như vậy, không dùng lại được. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như đại phú gia có nhiều của báu như vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... có những oán tặc, nếu chúng vào nhà người ấy thì liền có thể cướp đoạt hết khiến cho rỗng không. Này thiện nam! Sắc đẹp thời trai trẻ cũng như vậy, thường bị sự cướp đoạt của giặc già. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như người nghèo tham đắm món ăn ngon, quần áo mịn màng. Tuy họ mong muốn nhưng mà chẳng thể được. Này thiện nam! Già cũng như vậy, tuy có lòng tham muốn hưởng giàu có an vui, năm dục thỏa lòng nhưng mà chẳng thể được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như rùa ở trên đất thường nghĩ đến nước. Này thiện nam! Người cũng như vậy, đã bị sự khô héo của già suy thì lòng thường nhớ nghĩ khi tráng kiện đã hưởng thụ thú vui năm dục. Lại nữa, này Ca-diếp! Vào mùa thu, những hoa sen được mọi người ưa ngắm nhìn, đến khi chúng héo vàng thì ai cũng không thích. Này thiện nam! Tuổi trẻ tráng kiện cũng như vậy, đều được sự yêu thích của tất cả, đến khi già thì bị khinh ghét. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây mía đã bị ép lấy nước rồi thì không còn vị nữa. Tuổi trẻ tráng kiện cũng như vậy, đã bị già rồi thì không còn ba thứ vị nữa, một là vị xuất gia, hai là vị đọa tụng, ba là vị ngồi thiền. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trăng tròn ban đêm nhiều ánh sáng, ngày thì chẳng vậy. Này thiện nam! Người cũng như vậy, trai tráng thì đoan nghiêm, hình mạo đẹp đẽ; già thì suy yếu, hình mạo, thần thái khô héo, tiêu tụy. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có vị vua thường dùng chánh pháp trị nước, an dân, chân thật không quanh co, từ bi ưa bố thí. Bấy giờ, nhà vua bị nước địch đánh phá phải trốn chạy lưu vong đến nước khác. Muôn dân nước đó thấy mà thương xót vua, đều nói: “Đại vương thuở trước dùng chánh pháp trị nước, chẳng ép uống bá tánh mà sao một sớm phải lưu lạc đến đây?”. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, đã bị sự bại hoại của già suy rồi thì thường khen việc tạo lập sự nghiệp thời trai tráng. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như bắc đèn chỉ nhờ dầu mỡ, dầu mỡ đã hết thì chẳng bao lâu sẽ tắt. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, chỉ nhờ cậy vào mỡ tráng kiện, mỡ tráng kiện đã hết thì bắc đèn già suy chẳng bao lâu sẽ tắt. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như dòng sông khô chẳng thể làm lợi ích cho

con người, chẳng phải người, chim bay, thú chạy. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, bị sự khô cạn của già thì chẳng thể tạo lợi ích cho tất cả. Lại nữa, này Ca-diếp! Cây đại thọ đứng bên bờ sông sắp lở, nếu gặp gió to thì ắt ngã đổ. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, đến bờ hiểm già mà gió chết thổi đến thì chẳng đứng vững được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như trục xe gãy thì chẳng đủ sức chở nặng. Này thiện nam! Già cũng như vậy, chẳng thể học, nghe nhận tất cả pháp thiện. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như đứa trẻ con bị người khinh khi. Này thiện nam! Già cũng như vậy, thường bị sự khinh chê của tất cả. Này Ca-diếp! Dùng những ví dụ đó và còn vô lượng vô biên ví dụ nữa để ông phải biết, già thật là đại khổ. Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quan sát khổ về già.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về bệnh? Sở dĩ gọi bệnh là có thể phá tan tất cả những việc vui vẻ, yên ổn, ví như mưa đá làm thương tổn hủy hoại cây lúa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như người có oán thù, lòng thường lo buồn mà ôm lấy sợ hãi. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường sợ khổ về bệnh, lòng ôm lo rầu. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người hình mạo đẹp đẽ được hoàng hậu ái mộ, sai sứ đến cưỡng bức tới cung cùng thông dâm. Vị vua bắt được liền sai người móc một mắt, cắt một tai, chặt một tay, một chân của người ấy. Người đó, bấy giờ hình dung đổi khác, bị người khinh ghét. Này thiện nam! Con người cũng vậy, trước tuy đẹp đẽ, tai mắt đầy đủ, nhưng khi đã bị bệnh khổ đeo đẳng bức bách rồi thì bị mọi người gớm ghiếc. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây chuối, tre, trúc, lau sậy và con la hẽ có con là chết. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, hễ có bệnh thì chết. Lại nữa, này Ca-diếp! Như đại thần chủ binh của vua Chuyển luân thường ở trước dẫn đường, còn vua theo sau mà đi. Cũng như khi cá chúa, kiến chúa, ốc chúa, trâu chúa, lái buôn đi ở trước, các chúng đều đi theo không rời bỏ. Này thiện nam! Vua Chuyển luân chết cũng như vậy, thường theo bầy tôi bệnh, chẳng lìa bỏ. Chúa bệnh cá, kiến, ốc, trâu, lái buôn cũng như vậy, thường bị sự theo đuổi của chúng chết. Này Ca-diếp! Nhân duyên bệnh là sự khổ

não, sầu lo, buồn than, thân tâm chẳng yên, hoặc là sự bức hại của oán tặc, phá hư phao nổi, triệt phá cầu cống, cũng có thể cướp đoạt căn bản chánh niệm. Lại có thể phá hoại sắc đẹp, sự tráng kiện, thế lực, an lạc, sự hổ thẹn, lại có thể làm thân tâm bị thiêu nóng rực cháy. Dùng những ví dụ này và còn vô lượng vô biên ví dụ khác để ông phải biết, khổ về bệnh chính là đại khổ. Đây Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về bệnh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về chết? Cái gọi là chết đó có thể thiêu hủy tiêu diệt. Đây Ca-diếp! Như tai họa lửa khởi lên thì có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Nhị thiên, sức của lửa chẳng đến được. Đây thiện nam! Lửa chết cũng vậy, có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, vì thế lực của lửa chết chẳng đến được. Lại nữa, đây Ca-diếp! Như tai họa nước khởi lên thì tất cả trôi dạt chìm mất, chỉ trừ Tam thiên, vì sức nước chẳng đến. Đây thiện nam! Nước chết cũng vậy, làm trôi dạt chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, đây Ca-diếp! Như tai họa gió khởi lên thì có thể thổi tất cả khiến cho tan hoại hết, chỉ trừ Tứ thiên, vì sức gió chẳng đến được. Đây thiện nam! Gió chết cũng vậy, có thể thổi diệt tất cả sở hữu, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiên thứ tư kia vì nhân duyên gì mà gió chẳng thể thổi, nước chẳng thể trôi, lửa chẳng thể cháy?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đây thiện nam! Thiên thứ tư đó, trong ngoài tất cả đều không có họa hoạn. Đây thiện nam! Họa hoạn của Sơ thiên: bên trong có giác quán, bên ngoài có tai họa về lửa. Họa hoạn của Nhị thiên: bên trong có hoan hỷ, bên ngoài có tai họa về nước. Họa hoạn của Tam thiên: bên trong có hít thở, bên ngoài có tai họa về gió. Đây thiện nam! Đệ tứ thiên kia, trong ngoài tất cả đều không có họa hoạn. Vậy nên các tai họa chẳng thể đến được. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát cũng

như vậy, an trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa thì họa hoạn trong ngoài tất cả đều hết. Vậy nên vua chết chẳng thể vào được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như con chim cánh vàng có thể nuốt ăn, có thể tiêu hóa tất cả rồng, cá, vàng, bạc, các báu v.v... chỉ trừ kim cương nó chẳng thể nào tiêu hóa. Này thiện nam! Con chim cánh vàng tử cũng như vậy, có thể nuốt ăn, có thể tiêu hóa tất cả chúng sinh, chỉ chẳng thể tiêu hóa được Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cỏ cây ở bờ sông, gặp nước lụt thì đều trôi vào biển cả, chỉ trừ cây dương liễu vì cây ấy mềm mại. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, đều trôi vào biển tử, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như Na-la-diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió lớn. Vì sao? Vì không ngăn cản được. Này thiện nam! Na-la-diên tử cũng như vậy, có thể hàng phục hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì vô ngại. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người đối với kẻ oán thù mà trá hiện thân thiện, thường theo đuổi như bóng theo hình dò tìm cơ hội thuận tiện để giết chết kẻ oán đó. Kẻ oán kia cẩn thận tự phòng bị chắc chắn nên khiến cho người đó chẳng thể giết được. Này thiện nam! Oán thù tử cũng vậy, thường theo dõi chúng sinh để giết hại họ, chỉ chẳng thể giết Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì Bồ-tát đó chẳng buông lung. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trời bỗng nhiên tuôn xuống mưa lớn kim cương, phá hoại hết cây thuốc, cây cối, núi rừng, đất cát, gạch, đá, vàng, bạc, lưu ly v.v... tất cả mọi vật, chỉ chẳng thể hủy hoại chân bảo kim cương. Này thiện nam! Mưa kim cương tử cũng như vậy, có thể phá hoại hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát Kim cương trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như chim cánh vàng có thể ăn nuốt các rồng, chỉ chẳng thể ăn nuốt rồng đã thọ Tam quy. Này thiện nam! Chim cánh vàng tử cũng như vậy, có thể ăn nuốt tất cả vô lượng chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở ba định. Sao gọi là ba định? Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại nữa, này Ca-diếp! Như rắn độc Ma-la hễ đã cắn thì tuy có chú hay, thuốc tốt thượng diệu nhưng không cứu được, chỉ có chú A-kiệt-la-tinh mới có thể chữa khỏi. Này thiện nam! Rắn độc tử cũng như vậy,

tất cả phương thuốc trị độc không gì hiệu nghiệm, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở chú Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người bị vua giận, người ấy, hoặc có thể dùng lời êm ái khéo léo hay cống dâng của báu thì có thể được thoát chết. Này thiện nam! Vua tử chẳng vậy, tuy dùng lời êm ái hay tiền của châu báu mà cống dâng nhưng cũng chẳng thoát được. Này thiện nam! Phàm người chết thì ở chỗ hiểm nạn không có của cải lương thực, đi đến chỗ xa mờ mà không có bạn bè, ngày đêm đi mãi chẳng biết bờ cõi, sâu thẳm tối tăm không có ánh sáng. Vào nhà không cửa nẻo mà có nơi chốn, tuy không chỗ đau nhưng chẳng thể trị liệu, đi không ngăn ngại, đến chẳng thoát được, không có sự phá hoại mà người thấy sầu đau, chẳng phải là màu sắc xấu bản mà khiến cho người kinh sợ, phô bày ở bên thân mà chẳng thể hay biết. Này Ca-diếp! Dùng những thí dụ này và còn vô lượng vô biên thí dụ khác để ông phải biết tử quả thật là đại khổ. Này Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa, quan sát khổ về tử.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quan sát khổ thương yêu chia lìa nhau? Thương yêu chia lìa nhau có thể là căn bản của tất cả mọi khổ, như kệ nói:

Nhân ái sinh lo

Nhân ái sinh sợ

Nếu xa lìa ái

Có gì lo sợ.

Nhân duyên ái mà sinh ra ưu khổ. Do ưu khổ nên khiến cho chúng sinh sinh ra già suy. Khổ về ái biệt ly là mạng chung. Này thiện nam! Do biệt ly nên có thể sinh ra đủ thứ khổ vi tế. Nay Ta sẽ vì ông phân biệt và chỉ rõ cho. Này thiện nam! Đời quá khứ, khi con người thọ mạng vô lượng, khi ấy có vị vua tên là Thiện Trụ. Bấy giờ, vị vua ấy làm thân đồng tử, làm thái tử lo liệu việc nước và lên ngôi vua đều trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua sinh ra một bướu thịt. Bướu ấy mềm mại như lụa đầu la, mịn màng như kiếp bối, dần dần lớn lên mà chẳng cho nó là tai họa. Tròn mười tháng cục bướu ấy liền mở ra sinh một đồng tử. Hình dung đồng tử

ấy đoan nghiêm kỳ lạ vô song, sắc tướng phân minh số một trong loài người. Vua cha vui mừng đặt tên là Đỉnh Sinh. Vua Thiện Trụ liền đem quốc sự giao phó cho Đỉnh Sinh, xả bỏ cung điện, vợ con, quyến thuộc, vào núi học đạo trọn tám vạn bốn ngàn năm. Bấy giờ, Đỉnh Sinh vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao tám gô, thọ trai, tức thời ở phương Đông xuất hiện bánh xe vàng báu. Bánh xe ấy đầy đủ ngàn nan hoa, trục, vành chẳng do thợ chế tạo, tự nhiên thành tựu hiện đến. Đại vương Đỉnh Sinh liền nghĩ: “Ta xưa từng nghe tiên ngữ thông nói, vua Sát-lợi vào ngày mười lăm ở tại lầu cao tám gô, trai giới, nếu có bánh xe vàng ngàn nan hoa chẳng thiếu, đầy đủ trục, vành, chẳng do thợ làm, tự nhiên thành tựu, hiện đến thì phải biết vua này liền được làm Chuyển luân Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền dùng tay trái nâng bánh xe báu, tay phải cầm lư hương, quỳ gối phải xuống đất mà phát thệ: “Bánh xe vàng báu này nếu chân thật chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua phát lời thề này rồi, bánh xe vàng báu đó bay lên hư không, đi khắp mười phương, rồi trở lại trụ ở tay trái của vua Đỉnh Sinh. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng phát sinh vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đấy chẳng bao lâu lại có voi báu hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng với bảy chi chống đất. Vua Đỉnh Sinh thấy rồi lại nghĩ: “Ta thuở xưa từng nghe tiên ngữ thông nói rằng, vua Chuyển luân vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao tám gô, trai giới, nếu có voi báu hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng, bảy chi chống đất, hiện đến thì phải biết, vị vua này tức là Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền nâng lư hương, quỳ gối phải xuống đất phát thệ: “Voi trắng báu này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua nói lời này rồi thì voi trắng báu liền bay đi khắp cùng tám phương, đến tận bờ cõi biển cả từ sáng đến chiều rồi trở về chỗ cũ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, tiếp theo có ngựa báu, sắc ngựa ấy xanh biếc đẹp đẽ, bõm, đuôi màu vàng, vua Đỉnh Sinh thấy

vậy liền nghĩ: “Ta nghe thuở xưa tiên ngũ thông nói, vua Chuyển luân vương vào ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội, trai tịnh, có ngựa báu sắc xanh, bờm, lông đuôi màu vàng tía đến, thì nên biết đó là Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền cầm lư hương, quỳ gối phải xuống đất phát thệ: “Ngựa báu màu xanh biếc này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua nói lời này rồi thì ngựa báu màu xanh biếc đó, từ sáng đến chiều chạy cùng khắp tám phương đến tận bờ cõi biển cả, rồi trở về chỗ cũ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nói: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, lại có người con gái báu, hình dung đoan chánh đệ nhất, chẳng cao, chẳng lùn, chẳng trắng, chẳng đen, các lỗ chân lông trên thân thể tỏa ra mùi hương chiên-đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt nhìn thấy xa một do-tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng như vậy, lưởi rộng to, lè ra có thể che cả mặt, hình sắc mịn màng như lá đồng đỏ, tâm thức thông triết có trí tuệ lớn, đối với các chúng sinh thường có lời nói dịu dàng. Người con gái ấy khi dùng tay chạm vào áo vua thì liền biết thân vua an vui hay bệnh hoạn, cũng biết tâm vua duyên vào đâu. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ: “Nếu có người con gái có thể biết được lòng vua tức là người con gái báu”. Sau đó chẳng bao lâu, ở trong cung vua tự nhiên có ngọc báu ma-ni, thuần màu xanh lưu ly, lớn như trục của bánh xe, có thể ở trong tối chiếu sáng đến một do-tuần. Nếu trời tuôn mưa mà giọt nước lớn như trục bánh xe thì lực của ngọc này có thể tạo thành lọng lớn che được một do-tuần, ngăn trận mưa lớn này, chẳng cho nước mưa lọt qua. Lúc này, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ: “Nếu vua Chuyển luân được ngọc báu này thì nhất định là Thánh đế”. Sau đó chẳng bao lâu, có bề tôi chủ kho tàng tự nhiên xuất hiện với nhiều cửa báu, giàu có không lường, kho tàng đầy ắp, không gì thiếu thốn. Chủ kho tàng này được sức nhãn căn có thể thấy suốt tất cả kho tàng ẩn chứa trong lòng đất, theo ý nghĩ của vua đều có thể cung cấp đủ cho vua. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại muốn thử ông ấy, liền ngồi chung thuyền đi vào biển cả và bảo: “Ta nay muốn được kỳ trân dị bảo”. Ông ta nghe rồi liền dùng hai tay

khuấy nước biển cả thì mười đầu ngón tay xuất hiện mười bảo tàng, đem dâng lên Thánh vương, tâu: “Tâu đại vương! Đại vương cần dùng việc gì thì đại vương tùy ý sử dụng. Nếu còn lại thì phải ném trả cho biển cả”. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, có bề tôi là chủ binh tự nhiên xuất hiện. Ông ấy dũng mãnh, thao lược, kế sách, mưu trí đệ nhất, giỏi biết bốn binh chủng. Nếu ông ấy gánh vác việc chiến đấu thì xuất hiện Thánh vương. Nếu ông ấy chẳng gánh vác việc chiến đấu mà thoái lui thì Thánh vương chẳng xuất hiện. Kẻ chưa bị hàng phục thì ông ta có thể hàng phục. Người đã hàng phục thì có thể ủng hộ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ: “Nếu vua Chuyển luân được chủ binh báu này thì phải biết nhất định là Chuyển luân Thánh vương”. Lúc đó, Chuyển luân Thánh vương Đỉnh Sinh bảo các đại thần: “Các ông phải biết, cõi Diêm-phù-đề này yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng. Ta nay bảy báu đã thành tựu, một ngàn đứa con trai đầy đủ. Ta nên làm gì đây?”. Các bề tôi đáp: “Thưa đại vương! Cõi Phất-bà-đề ở phương Đông còn chưa quy thuận, đại vương nay nên đi đến đó”. Bấy giờ, Thánh vương liền cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Phất-bà-đề ở phương Đông. Muôn dân cõi đó vui mừng quy thuận. Vua lại bảo các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề và Phất-bà-đề của ta yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng, dân chúng đông đúc đều đến quy thuận, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa?”. Các bề tôi đáp: “Thưa đại vương! Cõi Cù-đà-ni ở phương Tây còn chưa quy thuận”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Cù-đà-ni. Nhà vua đã đến đó và dân chúng cõi đó cũng lại quy phục. Vua lại bảo các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề, Phất-bà-đề và Cù-đà-ni này của ta đã yên ổn, giàu thịnh, vui sướng, muôn dân đông đúc đều đã quy thuận, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa? Các bề tôi tâu: “Thưa đại vương! Cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc còn chưa quy thuận”. Bấy giờ, Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Uất-đan-việt

ở phương Bắc. Vua đã đến đó thì dân chúng cõi ấy vui mừng quy thuận. Vua lại bảo các đại thần: “Bốn cõi thiên hạ của ta yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng, muôn dân đông đúc đều đã quy thuận, bầy bấu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa?”. Các bề tôi đáp: “Thưa Thánh vương! Cõi trời Ba Mươi Ba thọ mạng rất dài, yên ổn, diệu lạc. Thân hình cõi trời đó đoan nghiêm không gì sánh, cung điện chỗ ở, giường, ngọa cụ... đều là bầy bấu. Trời ấy tự thị thiên phước chưa đến quy thuận. Nay nhà vua nên đến hỏi tội, khiến cho họ quy phục”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bầy bấu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không lên cõi trời Đao-lợi. Vua thấy có một cây màu xanh biếc. Thánh vương thấy rồi liền hỏi đại thần: “Đây là sắc gì?”. Đại thần đáp: “Đây là cây Ba-lợi-chất-đa-la, vào những ngày tháng ba mùa hạ, chư Thiên của cõi trời Đao-lợi thường ở dưới gốc cây ấy vui sướng thọ hưởng diệu lạc”. Vua lại thấy sắc trắng giống như mây trắng, lại hỏi đại thần: “Đó là sắc gì?”. Đại thần đáp: “Đó là Thiện pháp đường, chư Thiên cõi trời Đao-lợi thường tập họp trong ấy bàn luận việc nhân thiên”. Khi ấy, thiên chúa Thích-đề-hoàn-nhân biết vua Đỉnh Sinh đã đến ở bên ngoài, liền ra nghênh đón, gặp nhau rồi, nắm tay nhau thăng lên Thiện pháp đường, chia tòa mà ngồi. Lúc đó, hai vua hình dung, tướng mạo như nhau, không có sai biệt, chỉ có cái nhìn là sai khác. Lúc này, Thánh vương liền khởi sinh ý nghĩ: “Ta nay chắc có thể phế bỏ vị vua này để trụ trong cõi trời làm vua trời chăng?”. Nay thiện nam! Bấy giờ, Đế Thích vốn có thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, khai thị, phân biệt vì người khác điển nói, chỉ có đối với ý nghĩa sâu xa chưa thông đạt hết. Do sức nhân duyên đọc tụng, thọ trì, phân biệt, vì người khác điển nói rộng rãi này nên có uy đức lớn. Nay thiện nam! Vua Đỉnh Sinh đó đối vị Đế Thích này sinh tâm ác xong liền đọa lạc trở lại cõi Diêm-phù-đề, nhớ thương trời, người ly biệt, phát sinh khổ não lớn. Nhà vua lại gặp bệnh dữ liền mạng chung. Đế Thích bấy giờ là Đức Phật Ca-diếp đó. Vị Chuyển luân Thánh vương là thân Ta đó. Nay thiện nam! Ông phải biết, ái biệt ly như vậy thì rất là đau khổ. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát còn nhớ sự khổ về ái biệt ly như vậy của đời quá khứ, hướng gì là Bồ-tát trụ ở

kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mà chẳng quan sát sự khổ về ái biệt ly của đời hiện tại.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát oán tắng hội khổ? Này thiện nam! Đại Bồ-tát này quan sát ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời đều có oán tắng hội khổ như vậy. Ví như người quan sát lao ngục thấy trói buộc, giam giữ, cùm khóa, xiềng xích v.v... lấy làm khổ lớn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, quan sát năm đường, thấy tất cả loài thọ sinh đều là oán ghét hợp hội rất khổ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người thường sợ sự cùm khóa, xiềng xích của oán gia mà rời bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, châu báu, sản nghiệp v.v... trốn chạy xa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, kinh sợ sinh tử mà tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát oán tắng hội khổ.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tu hành Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát cầu bất đắc khổ? Cầu là cầu hết tất cả. Cầu hết có hai thứ, một là cầu pháp thiện, hai là cầu pháp bất thiện. Pháp thiện chưa được thì khổ. Pháp ác chưa lìa là khổ. Đó là lược nói khổ về năm ấm thịnh. Này Ca-diếp! Đó gọi là khổ đế.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói của Đức Phật thì nghĩa của khổ về năm ấm thịnh chẳng phải vậy. Vì sao? Như Phật thuở xưa bảo ông Thích-ma-nam: “Nếu sắc khổ thì tất cả chúng sinh đáng lẽ chẳng cầu sắc. Nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ”. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: “Có ba thứ thọ là thọ khổ, thọ vui và thọ chẳng khổ chẳng vui”. Như Phật trước đã vì các Tỳ-kheo nói rằng, nếu có người có thể tu hành pháp thiện thì được thọ vui. Lại như Phật nói, ở trong pháp thiện có sáu thứ tiếp xúc hưởng thọ vui, như mắt thấy sắc đẹp thì đó gọi là vui, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nghĩ về pháp tốt cũng như vậy. Như Đức Phật đã nói kệ:

*Trì giới thì được vui
Thân chẳng thọ các khổ*

Ngủ nghỉ được bình yên
 Thức dậy lòng hoan hỷ.
 Mặc áo và ăn cơm
 Tu tập và kinh hành
 Một mình ở núi rừng
 Như vậy là rất vui.
 Luôn đối với chúng sinh
 Ngày đêm tu lòng từ
 Nhân đó thường an vui
 Chẳng nỡ hại người khác.
 Vui thiếu dục, tri túc
 Vui phân biệt đa văn
 Không trước A-la-hán
 Cũng gọi là hưởng vui.
 Bồ-tát Ma-ha-tát
 Đến bờ kia rốt cùng
 Mọi việc đã làm xong
 Đó gọi là rất vui.

Thưa Thế Tôn! Như lời nói trong các kinh thì hình tướng của an vui nghĩa nó là như vậy. Như lời Phật hôm nay thì làm sao để cùng với nghĩa này tương ứng?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông có thể khéo léo hỏi Như Lai ý nghĩa này. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh ở trong cái khổ ít mà trái lại tưởng là vui. Vậy nên lời nói của Ta hôm nay về khổ tướng cùng với lời nói cũ chẳng khác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời nói của Phật, ở trong cái khổ ít về sinh tướng vui thì cái khổ ít về lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, năm ấm thịnh cũng nên có tướng là vui. Thưa Thế Tôn! Sinh hạng hạ là ba đường ác, sinh đường trung là trong loài người, sinh hạng thượng là trên trời. Nếu lại có người hỏi như vậy: “Nếu đối với cái vui hạng hạ sinh ra tướng khổ, đối với cái vui hạng trung sinh ra tướng không

khổ, đối với cái vui hạng thượng sinh ra tưởng vui thì phải đáp ra sao? Thưa Thế Tôn! Nếu trong cái khổ hạng hạ sinh ra tưởng vui thì con chưa thấy có người phải chịu một ngàn hình phạt mà ngay khi phạt lần đầu tiên đã sinh ra tưởng vui. Nhưng nếu chẳng sinh thì sao nói rằng, ở trong khổ hạng hạ mà sinh ra tưởng vui?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa này nên không có tưởng vui. Vì sao? Vì giống như người kia phải chịu một ngàn hình phạt mà khi đã chịu một lần rồi liền thoát được thì người đó bấy giờ liền sinh ra tưởng vui. Vậy ông phải biết, ở trong không vui vọng sinh ra tưởng vui.

Bồ-tát Ca-diếp nói:

–Bạch Thế Tôn! Người đó chẳng do một lần bị phạt mà sinh ra tưởng vui mà do thoát được nên sinh ra tưởng vui.

–Này Ca-diếp! Vậy nên lúc xưa Ta vì Thích-ma-nam nói rằng, có vui trong năm ấm là thật chẳng phải hư dối. Này Ca-diếp! Có ba thọ, ba khổ. Ba thọ là thọ lạc, thọ khổ, thọ chẳng khổ chẳng lạc. Ba khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Này thiện nam! Thọ khổ là ba khổ, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Còn hai thọ là hành khổ và hoại khổ. Này thiện nam! Do nhân duyên đó nên trong sinh tử thật có lạc thọ. Đại Bồ-tát vì tính của khổ lạc chẳng rời bỏ nhau nên nói rằng, tất cả đều khổ. Này thiện nam! Trong sinh tử thật không có vui mà chỉ chư Phật, Bồ-tát vì thuận theo thế gian nên nói rằng có vui.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Bồ-tát nếu nói thuận theo thế tục thì tức là hư vọng chẳng? Như lời nói của Phật, người tu hành thiện thì thọ quả báo vui, trì giới thì an lạc, thân chẳng thọ khổ cho đến mọi việc đã hoàn thành thì đó là rất vui. Như vậy việc nói hưởng vui của các kinh là hư dối chẳng? Nếu là hư vọng thì chư Phật Thế Tôn từ lâu ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số kiếp tu đạo Bồ-đề đã lìa khỏi vọng ngữ mà hôm nay nói lời nói đó, ý nghĩa ấy ra sao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như bài kệ nói về những thọ lạc ở trên tức là

căn bản của đạo Bồ-đề, cũng có thể nuôi lớn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên ở trong kinh trước nói về tướng lạc. Đây thiện nam! Ví như cái cần có cho cuộc sống của thế gian có thể là nguyên nhân của sự vui nên gọi là vui. Đó là đắm say nữ sắc, uống rượu, thức ăn ngon, vị ngọt v.v... khi khát được nước, khi lạnh gặp lửa, quần áo, chuỗi ngọc, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bệ, vàng, bạc, lưu ly, san hô, chân châu, kho tàng, lúa gạo v.v... những vật cần dùng của thế gian như vậy v.v... có thể là nguyên nhân của vui. Đó gọi là vui. Đây thiện nam! Những vật như vậy cũng có thể sinh ra khổ. Do nữ nhân sinh ra khổ của nam tử: ưu sầu buồn khóc, thậm chí mất cả mạng sống. Nhân rượu, vị ngon cho đến kho tàng, lúa gạo cũng có thể khiến cho con người sinh ra ưu bi, khổ não lớn. Do nghĩa này nên tất cả đều khổ, không có tướng vui. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát đối với tám cái khổ này giải thoát khổ, không có khổ. Đây thiện nam! Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... chẳng biết nguyên nhân của vui. Vì những người như vậy ở trong khổ hạ nói có tướng của vui, chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mới có thể biết nhân của khổ, nhân của vui này.

